

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-3-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vũ

2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguuyên đơn:* Chị Nguyễn Anh T, sinh năm: 1992; địa chỉ: số 52/4 ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Minh N, sinh năm: 1991; địa chỉ: số 203/1 ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Anh T trình bày:

Chị và anh Huỳnh Minh N tiến tới hôn nhân là do quen biết, có tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Kết hôn xong vợ chồng sống chung, đến khi chị sinh con chung thì chị và anh N sống bên gia đình cha mẹ ruột của chị. Cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc một thời gian, tuy nhiên thời gian sau này vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình nhưng giữa chị và anh Huỳnh Minh N không khắc phục được, chị và anh Huỳnh Minh N đã không còn sống chung với nhau từ năm 2022 cho đến nay nhưng cũng không có hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định tình

cảm vợ chồng dành cho anh Huỳnh Minh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Minh N. Chị không yêu cầu anh Huỳnh Minh N cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: chị và anh Huỳnh Minh N có 01 con chung tên Huỳnh Minh P, sinh ngày 01/9/2017. Từ khi chị và anh N không còn sống chung thì con chung sống chung với chị cho đến nay, cháu N được chị chăm sóc phát triển đầy đủ mọi mặt về tâm sinh lý. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh Huỳnh Minh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Minh N vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Anh T được ly hôn với anh Huỳnh Minh N; chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét. Về con chung, giao cháu Huỳnh Minh Phát, sinh ngày 01/9/2017 cho chị Nguyễn Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Huỳnh Minh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, chị T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung, chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Huỳnh Minh N đăng ký thường trú tại ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: nguyên đơn chị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị T và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Bến Tre và cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/10/2015. Do đó, hôn nhân của chị T và anh N đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị T cho rằng, quá trình sống chung giữa chị và anh N có hạnh phúc một thời gian, sau đó thì không còn hạnh phúc do có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã không còn sống chung với nhau một khoảng thời gian nhưng không có gặp gỡ để hàn gắn tình cảm.

Đối với anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Như vậy, có cơ sở xác định anh N không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Qua kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N, qua đó cho thấy lời trình bày của chị T về mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của chị T và anh N là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, do chị T không yêu cầu và không ghi nhận được ý kiến của anh N nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: chị T và anh N có 01 con chung là cháu Huỳnh Minh P, sinh ngày 01/9/2017, hiện con chung đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Thấy rằng, từ khi chị T và anh N không còn sống chung thì chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Minh Phát. Quá trình giải quyết vụ án anh N không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của chị T. Xét thấy, chị T có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dạy cháu Phát để cháu phát triển tốt về mọi mặt. Vì vậy, giao con chung là cháu Huỳnh Minh Phát cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị T trình bày không yêu cầu giải quyết, đối với anh N không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, đối với anh N không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên chị T phải nộp án phí hôn nhân không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Anh T đối với anh Huỳnh Minh N. Chị Nguyễn Anh T được ly hôn với anh Huỳnh Minh N.

Chị Nguyễn Anh T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Huỳnh Minh P, sinh ngày 01/9/2017 cho chị Nguyễn Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Huỳnh Minh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Anh T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về chia tài sản chung: chị Nguyễn Anh T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Huỳnh Minh N không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Nguyễn Anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Huỳnh Minh N không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: chị Nguyễn Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003543 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, án phí đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND thị trấn P;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Tú

